

NỘI DUNG ÔN TẬP CỦA TỔ NGỮ VĂN

(Từ 17/2/2020 đến 21/02/2020)

A. LÝ THUYẾT

I. Đọc hiểu

1. Các phương thức biểu đạt

Phương thức	Khái niệm	Dấu hiệu nhận biết	Thể loại
Tự sự	<ul style="list-style-type: none">- Dùng ngôn ngữ để kể lại một hoặc một chuỗi các sự kiện, có mở đầu -> kết thúc- Ngoài ra còn dùng để khắc họa nhân vật (tính cách, tâm lí...) hoặc quá trình nhận thức của con người	<ul style="list-style-type: none">- Có sự kiện, cốt truyện- Có diễn biến câu chuyện- Có nhân vật- Có các câu trần thuật/đối thoại	<ul style="list-style-type: none">- Bản tin báo chí- Bản tường thuật, tường trình- Tác phẩm văn học nghệ thuật (truyện, tiểu thuyết)
Miêu tả	Dùng ngôn ngữ để tái hiện lại những đặc điểm, tính chất, nội tâm của người, sự vật, hiện tượng	<ul style="list-style-type: none">- Các câu văn miêu tả- Từ ngữ sử dụng chủ yếu là tính từ	<ul style="list-style-type: none">- Văn tả cảnh, tả người, vật...- Đoạn văn miêu tả trong tác phẩm tự sự.
Thuyết minh	Trình bày, giới thiệu các thông tin, hiểu biết, đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng	<ul style="list-style-type: none">- Các câu văn miêu tả đặc điểm, tính chất của đối tượng- Có thể là những số liệu chứng minh	<ul style="list-style-type: none">- Thuyết minh sản phẩm- Giới thiệu di tích, thắng cảnh, nhân vật- Trình bày tri thức và phương pháp trong khoa học.
Biểu cảm	Dùng ngôn ngữ bộc lộ cảm xúc, thái độ về thế giới xung quanh	<ul style="list-style-type: none">- Câu thơ, văn bộc lộ cảm xúc của người viết	<ul style="list-style-type: none">- Điện mừng, thăm hỏi, chia

		- Có các từ ngữ thể hiện cảm xúc: ơi, ôi....	buồn - Tác phẩm văn học: thơ trữ tình, tùy bút.
Nghị luận	Dùng để bàn bạc phải trái, đúng sai nhằm bộc lộ rõ chủ kiến, thái độ của người nói, người viết rồi dẫn dắt, thuyết phục người khác đồng tình với ý kiến của mình.	- Có vấn đề nghị luận và quan điểm của người viết - Từ ngữ thường mang tính khái quát cao (nêu chân lí, quy luật) - Sử dụng các thao tác: lập luận, giải thích, chứng minh	- Cáo, hịch, chiếu, biểu. - Xã luận, bình luận, lời kêu gọi. - Sách lí luận. - Tranh luận về một vấn đề triết trị, xã hội, văn hóa.
Hành chính - công vụ	Là phương thức giao tiếp giữa Nhà nước với nhân dân, giữa nhân dân với cơ quan Nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan, giữa nước này và nước khác trên cơ sở pháp lí.	- Hợp đồng, hóa đơn... - Đơn từ, chứng chỉ... (Phương thức và phong cách hành chính công vụ thường không xuất hiện trong bài đọc hiểu)	- Đơn từ - Báo cáo - Đề nghị

2. Các biện pháp tu từ

Biện pháp tu từ	Khái niệm
So sánh	Đôi chiếu 2 hay nhiều sự vật, sự việc mà giữa chúng có những nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho lời văn.
Nhân hóa	Sử dụng những từ ngữ chỉ hoạt động, tính cách, suy nghĩ, tên gọi ... vốn chỉ dành cho con người để miêu tả đồ vật, sự vật, con vật, cây cối khiến cho chúng trở nên sinh động, gần gũi, có hồn hơn
Ẩn dụ	Gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.
Hoán dụ	Gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên của một sự vật, hiện tượng khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.
Nói quá	Phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.

Nói giảm nói tránh	Dùng cách diễn đạt tế nhị uyển chuyển để tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề, tránh thô tục, thiếu lịch sự
Liệt kê	Sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả đầy đủ, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế hay tư tưởng, tình cảm.
Điệp ngữ	Lặp lại từ ngữ (hoặc cả câu) để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh
Tương phản	Sử dụng từ ngữ đối lập, trái ngược nhau để tăng hiệu quả diễn đạt.
Chơi chữ	Lợi dụng những đặc sắc về âm, về nghĩa của từ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước...l

3. Thao tác lập luận

Thao tác lập luận	Khái niệm
Giải thích	Dùng lí lẽ để cắt nghĩa, giảng giải sự vật, hiện tượng, khái niệm giúp người đọc, người nghe hiểu đúng ý của mình.
Phân tích	Chia nhỏ đối tượng thành nhiều yếu tố bộ phận để đi sâu xem xét một cách toàn diện về nội dung, hình thức của đối tượng.
Chứng minh	Đưa ra những cứ liệu – dẫn chứng xác đáng để làm sáng tỏ một lí lẽ một ý kiến để thuyết phục người đọc người nghe tin tưởng vào vấn đề đó. (Đưa lí lẽ trước - Chọn dẫn chứng và đưa dẫn chứng. Cần thiết phải phân tích dẫn chứng để lập luận chứng minh thuyết phục hơn. Đôi khi thuyết minh trước rồi trích dẫn chứng sau.)
So sánh	Đặt đối tượng trong mối tương quan, cái nhìn đối sánh để thấy đặc điểm, tính chất của nó.
Bình luận	Đánh giá hiện tượng, vấn đề tốt/xấu, đúng/sai...
Bác bỏ	Trao đổi, tranh luận để bác bỏ những ý kiến sai lệch

4. Các thể thơ thường gặp

Thể thơ	Đặc điểm nhận biết
5 chữ (ngũ ngôn)	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi câu thường có 5 chữ - Thường được chia thành nhiều khổ nhỏ, mỗi khổ gồm 4 dòng thơ.

Song thất lục bát	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi đoạn có 4 câu - 2 câu đầu mỗi câu 7 chữ; câu thứ ba 6 chữ, câu thứ 4 tám chữ.
Lục bát	<ul style="list-style-type: none"> - Một câu sáu chữ rồi đến một câu tám chữ cứ thế nối liền nhau - Thường bắt đầu bằng câu 6 chữ và kết thúc bằng câu 8 chữ
Thất ngôn bát cú Đường luật	<ul style="list-style-type: none"> - Câu 1 và 2 là phá đề và thừa đề. - Câu 3 và 4 là Thực hay Trạng, dùng để giải thích hoặc đưa thêm chi tiết bổ nghĩa đề bài cho rõ ràng - Câu 5 và 6 là Luận, dùng để bàn luận cho rộng nghĩa hay cũng có thể dùng như câu 3 và 4 - Câu 7 và 8 là Kết, kết luận ý của bài thơ
Thơ 4 chữ, thơ 6 chữ, thơ 7 chữ, thơ 8 chữ	<ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào số chữ trong 1 dòng thơ
Thơ tự do	<ul style="list-style-type: none"> - Đếm số chữ trong 1 dòng thơ, dòng nhiều dòng ít không gò bó, không theo quy luật

II. Nghị luận xã hội: *Kĩ năng viết đoạn 200 chữ*

1. Về cấu trúc: Đủ 3 phần mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn.

2. Về dung lượng: Đảm bảo 200 chữ.

3. Các bước triển khai:

- **Mở đoạn:** Dẫn đề.

- **Thân đoạn:** Bàn luận về vấn đề.

- **Kết đoạn:** Rút ra bài học, liên hệ.

B. ĐỀ THỰC HÀNH

Đề 1

I. Đọc – hiểu

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông. Xưa nay, những đấng anh hùng làm nên những việc gian nan không ai làm nổi, cũng là nhờ cái gan mao hiểm, ở đời không biết cái khó là gì [...]

Còn những kẻ ru rú như gián ngày, làm việc gì cũng chờ trời đợi số, chỉ mong cho được một đời an nhàn vô sự, sống lâu giàu bên, còn việc nước việc đời không quan hệ gì đến mình cả. Như thế gọi là sống thừa, còn mong có ngày vùng vẫy trong trường cạnh tranh thế nào được nữa. Hãy trông những bọn thiếu niên con nhà kiêu dưỡng, cả đời không dám đi đâu xa nhà, không dám làm quen với một người khách lạ ; đi đường thì sợ sóng, trèo cao thì sợ run chân, cứ áo buông chùng đóng gót, tưởng thế là nho nhã, tưởng thế là tư văn ; mà thực ra không có lực lượng, không có khí phách ; hễ ra khỏi tay bảo hộ của cha mẹ hay kẻ có thế lực nào thì không có thế mà tự lập được.

Vậy học trò ngày nay phải tập xông pha, phải biết nhẫn nhục ; mưa nắng cũng không lấy làm nhọc nhằn, đói rét cũng không lấy làm khổ sở. Phải biết rằng : hay ăn miếng ngon, hay mặc của tốt, hễ ra khỏi nhà thì nhảy lên cái xe, hễ ngòi quá giờ thì đã kêu chóng mặt, ... ấy là những cách làm mình yếu đuối nhút nhát, mất hẳn cái tinh thần mao hiểm của mình đi.

(*Mao hiểm* - Nguyễn Bá Học)

Câu 1: Thao tác lập luận được sử dụng trong đoạn văn trên là gì ? Xác định phương thức biểu đạt chủ yếu của văn bản.

Câu 2: Theo anh/chị, nguyên nhân chính của việc không dám mao hiểm xông pha vào khó khăn là gì ?

Câu 3: Nội dung của đoạn văn trên gửi gắm những lời khuyên gì đến thế hệ thanh niên?

Câu 4: Trong những quyết định quan trọng nếu mao hiểm bao giờ cũng có những rủi ro nhất định, có thể thành công cũng có thể thất bại. Anh/chị nghĩ gì về điều đó ? Theo anh/chị cần có những yếu tố gì để tạo thành công cho sự mao hiểm ?

II. Làm văn: Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về “tinh thần vượt khó” được đặt ra trong câu nói phân đọc hiểu: *Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông.*

Đề 2

Đọc – hiểu

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Cuộc đời ai cũng có những tấm bằng
Để làm giấy chứng minh
Để cầu mong thành đạt
Những tấm bằng như những bảng chỉ đường qua những đường phố hẹp
Để đến đại lộ cuộc đời ngày càng mở rộng thêm

Có những vĩ nhân được nhân loại khắc tên
Bởi các tấm bằng xúng danh trong lịch sử
Và có những tấm bằng chứng nhận những việc làm tuy nhỏ
Nhưng cố gắng hết mình, vẫn quý trọng biết bao!

Có được điều gì lớn lao
Từ những gì nhỏ bé
Đừng bao giờ chứng minh cuộc đời bằng những gì không thể
Như những tấm bằng không bằng được chính ta

Có đi bước gần mới đến quăng xa
Mới biết được cái không thành có thể
Đừng mong chờ có ai bán rẻ
Đâu lẽ đời bánh vẽ sẽ lên tiên?

Những tấm bằng có đóng dấu kí tên
Chỉ là giấy thông hành đi vào cuộc sống
Nhưng quý giá hơn là cuộc đời ghi nhận
Mới là – TẤM BẰNG - bằng - của - chính - ta”.

(“Tấm bằng” - Hoàng Ngọc Quý)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính?

Câu 2: Theo tác giả, tấm bằng có vai trò như thế nào trong cuộc sống của mỗi chúng ta?

Câu 3: Chỉ ra và phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu sau:

“Những tấm bằng như những bảng chỉ đường qua những đường phố hẹp”

Câu 4: Thông điệp nào của văn bản trên có ý nghĩa nhất đối với anh/chị? Lý giải ngắn gọn vì sao?

II. Làm văn : Từ nội dung **khổ thơ cuối** trong phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về **giá trị của tấm bằng trong cuộc sống của chúng ta ?**

❖ **Lưu ý:** Học sinh nộp bài cho Giáo viên bộ môn của lớp.